

BỘ CÔNG THƯƠNG

HỢP TÁC KINH TẾ VIỆT NAM VỚI ASEAN VÀ ASEAN MỞ RỘNG

(BỘ SÁCH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Hà Nội - 2010

LỜI NÓI ĐẦU

Hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN - Association of Southeast Asia Nations) được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1967, đánh dấu một mốc quan trọng cho phát triển khu vực với mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội, phát triển văn hoá; tăng cường hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, thúc đẩy hòa bình, ổn định trong khu vực. Khi bắt đầu thành lập, ASEAN gồm 5 nước thành viên là In-đô-nê-xi-a; Ma-lai-xi-a; Phi-lip-pin; Xin-ga-po và Thái Lan. Bru-nây tham gia vào ASEAN năm 1984, tiếp theo là Việt Nam năm 1995, Lào và Mi-an-ma năm 1999 và Cam-pu-chia trở thành thành viên thứ 10 vào năm 2000.

Với mục tiêu biến ASEAN thành một khu vực sản xuất cạnh tranh trên thị trường thế giới, khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA - ASEAN Free Trade Area) đã chính thức được thành lập tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ IV vào năm 1992. Một trong những bước quan trọng nhằm thực hiện được mục tiêu trên là tạo thuận lợi cho thương mại nội khối thông qua việc xoá bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các quốc gia thành viên.

Cơ chế chính để hình thành AFTA là Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT - Common Effective Preferential Tariff). Nghĩa vụ chính của các nước thành viên khi tham gia Hiệp định này là thực hiện việc cắt giảm và xoá bỏ thuế quan theo một lộ trình chung có tính đến sự khác biệt về trình độ phát triển và thời hạn tham gia của các nước thành viên. Theo cam kết trong Hiệp định, các nước thành viên phải giảm thuế nhập khẩu xuống còn từ 0 đến 5% trong vòng 10 năm. Theo đó, các nước ASEAN 6 sẽ hoàn thành việc cắt giảm thuế quan xuống còn từ 0 đến 5% vào năm 2003 và đối với Việt Nam là năm 2006. Tuy nhiên, để theo kịp xu thế hội nhập khu vực và toàn cầu hoá, các nước ASEAN đã cam kết xoá bỏ hoàn toàn thuế quan vào năm 2010 đối với 6 nước thành viên cũ của ASEAN (gồm Bru-nây, Đa-rú-xa-lam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan) và năm 2015 có hiệu lực đến năm 2018 đối với 4 nước thành viên mới (Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma và Việt Nam, viết tắt là CLMV). Các nước ASEAN cũng đã cam kết đẩy nhanh tiến trình hội nhập ASEAN đối với 12 lĩnh vực ưu tiên gồm: gỗ, ô tô, cao su, dệt may, nông nghiệp, thủy sản, điện tử, công nghệ thông tin, y tế, vận tải hàng không, du lịch và dịch vụ logistics, theo đó thuế quan sẽ được xoá bỏ sớm hơn 3 năm, đó là vào năm 2007 đối với ASEAN 6 và 2012 đối với các nước CLMV.

Ngoài ra, các nước ASEAN cũng quyết tâm xoá bỏ các rào cản phi thuế quan (lạm phát, thuế quan, giấy phép...) bằng việc thống nhất một kế hoạch rà soát, phân loại và lên kế hoạch loại bỏ các biện pháp phi thuế quan có tính cản trở thương mại. Bên cạnh nỗ lực xoá bỏ thuế quan và các rào cản phi thuế quan, xuất xứ cũng là một yếu tố quan trọng được các nước ASEAN tập trung xây dựng những bộ quy tắc mới, bổ sung cho quy tắc xuất xứ chung (hàm lượng

40%) của ASEAN. Việc nới lỏng quy tắc xuất xứ được cho là biện pháp quan trọng để thúc đẩy thương mại trong nội khối ASEAN.

Con đường 40 năm của ASEAN phải trải qua nhiều thác ghềnh, cù khúc quanh co nhưng cuối cùng đã và đang đạt được những mục tiêu ban đầu đề ra trong Tuyên bố Băng-cốc năm 1967. Một trong những nhân tố dẫn đến sự thành công chính là nhận thức đúng sự thay đổi xu thế phát triển của thế giới để có sự điều chỉnh kịp thời và hợp lý chính sách của từng nước, các mối quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á cũng như với các nước bên ngoài khu vực, cùng theo đuổi mục tiêu tạo dựng môi trường hòa bình, an ninh và ổn định, thiết lập quan hệ hợp tác cùng phát triển. Nhờ vậy, từ mối quan hệ nghi ngại ban đầu, thậm chí có lúc căng thẳng đối địch, ASEAN dần dần trở thành một tổ chức toàn khu vực, bao gồm đầy đủ 10 thành viên với chế độ chính trị và xã hội khác nhau, trình độ kinh tế chênh lệch và màu sắc văn hóa đa dạng.

Việt Nam đã hòa nhập bằng thiện chí và những đóng góp cụ thể vào các hoạt động của ASEAN, đã và đang trở thành thành viên tích cực và có trách nhiệm trong vai trò một hạt nhân đoàn kết, một nhân tố quan trọng đối với hòa bình, ổn định và hợp tác, là nhân tố đáng tin cậy của sự phát triển và hội nhập trong khu vực và thế giới. Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN hoàn toàn phù hợp với đường hướng phát triển của Việt Nam trên bước đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa để trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Rút ngắn khoảng cách về trình độ kinh tế, giữ vững độ tăng trưởng nhanh, bảo đảm sự phát triển đồng đều, bền vững và thực hiện nghiêm chỉnh cam kết "là bạn và là đối tác tin cậy" với các nước là những mục tiêu trên lộ trình xây dựng đất nước và cũng là đóng góp thiết thực vào sự lớn mạnh của ASEAN.

Cuốn sách này ra đời mong muốn cung cấp cho bạn đọc một tài liệu tham khảo, nghiên cứu khá sâu về Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), có thể hữu ích cho công việc của các nhà hoạch định và thực thi chính sách, các giảng viên, công chức đang làm việc trong lĩnh vực hội nhập kinh tế quốc tế và các lĩnh vực khác có liên quan, đặc biệt giúp các doanh nghiệp có những kiến thức hiểu biết cơ bản về các hoạt động hợp tác thương mại của các nước trong ASEAN, qua đó có thể phát triển chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam với các nước khu vực. Trong quá trình thực hiện khó tránh khỏi những sơ suất, Nhà xuất bản Công Thương rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện cuốn sách trong những lần tái bản tiếp theo.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:

Nhà xuất bản Công Thương

Địa chỉ: 46 Ngô Quyền, Hà Nội

Điện thoại: 04- 3826 0835

Email: nxbet@moit.gov.vn

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ ASEAN VÀ ASEAN MỞ RỘNG

Phần A: TỔNG QUAN VỀ ASEAN

1.1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1.1 Sự ra đời Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á - ASEAN

Đông Nam Á là một khu vực có lịch sử lâu dài và trong quá trình phát triển của mình đã đóng góp đáng kể cho sự phát triển của nền văn minh nhân loại. Các quốc gia trong khu vực là những đất nước sự tương đồng cao trên nhiều lĩnh vực văn hoá - xã hội cũng như trình độ phát triển kinh tế. Chính vì vậy, nhu cầu hợp tác, liên kết các quốc gia trong khu vực luôn được đặt ra ở các thời điểm lịch sử. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, trước xu thế toàn cầu hóa và đa cực hóa thế giới đang diễn ra nhanh chóng, nhu cầu về sự liên kết giữa các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á càng trở nên bức thiết hơn bao giờ hết.

ASEAN - Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1967, tại Băng-cốc (thủ đô Thái Lan), các Bộ trưởng Ngoại giao, đại diện cho Chính phủ của 5 quốc gia Đông Nam Á là In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin, Xin-ga-po và Thái Lan đã họp mặt và đi đến ký kết một văn kiện quan trọng, Bản Tuyên bố Băng-cốc, tạo dựng nền tảng cho sự ra đời của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Trong nội dung của Tuyên Bố Băng-cốc (Ngày 08 tháng 8 năm 1967), các mục tiêu và mục đích của Hiệp hội được xác định là hợp tác để phát triển toàn diện trên mọi lĩnh vực có mối quan tâm và quyền lợi chung của tất cả các nước trong khu vực:

“Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần công bằng và

phối hợp nhằm tăng cường nền tảng cho một cộng đồng hòa bình và thịnh vượng của các quốc gia Đông Nam Á.⁽¹⁾

Mục tiêu hoạt động ban đầu của ASEAN nhằm giữ gìn sự ổn định và an ninh trong khu vực, tức là tổ chức ASEAN lúc đầu được xem là khối mang màu sắc chính trị là chủ yếu mặc dù tuyên bố Băng-cốc nêu rõ mục tiêu hoạt động của ASEAN bao gồm 7 điểm:

1) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác, nhằm tăng cường cơ sở cho một cộng đồng các nước Đông Nam Á hòa bình, thịnh vượng.

2) Thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lý và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các nước trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc.

3) Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm trên những lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học kỹ thuật và hành chính.

4) Giúp đỡ lẫn nhau dưới hình thức đào tạo và cung cấp các phương tiện nghiên cứu trong các lĩnh vực giáo dục, chuyên môn, kỹ thuật và hành chính.

5) Cộng tác hiệu quả hơn, để sử dụng tốt hơn nền nông nghiệp và các ngành công nghiệp của nhau, mở rộng mậu dịch kể cả việc nghiên cứu các vấn đề bán hàng hóa giữa các nước, cải thiện các phương tiện giao thông liên lạc và nâng cao mức sống của nhân dân.

6) Thúc đẩy việc nghiên cứu Đông Nam Á.

7) Duy trì sự hợp tác chặt chẽ cùng có lợi với các tổ chức quốc tế và khu vực có tôn chỉ mục đích tương tự; tìm kiếm cách thức nhằm đạt được sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các tổ chức này.

Có thể nói, ngay từ khi ra đời, ASEAN đã hoạch định phạm vi liên kết của mình không chỉ ở các nước sáng lập viên, mà cả ở tất cả các nước khác trong khu vực, xác định mục tiêu một mái nhà chung của tất cả các

(1) Tuyên bố Băng-cốc, mục 1, trang 1.

nước Đông Nam Á, một khu vực đoàn kết gắn bó để cùng chung sống hòa bình, thịnh vượng. Trong quá trình hình thành và phát triển của mình, cho đến nay kỳ vọng này đã trở thành hiện thực với sự hội tụ của đầy đủ 10 quốc gia trong ASEAN. Thời điểm gia nhập chính thức của các thành viên mới của Hiệp hội như sau:

- Ngày 07-01-1984, Bru-nây gia nhập, là thành viên thứ 6.
- Ngày 28-7-1995, Việt Nam gia nhập và là thành viên thứ 7.
- Ngày 23-7-1997, Lào và Mi-an-ma gia nhập và là thành viên thứ 8 và 9.
- Ngày 30-4-1999, Cam-pu-chia gia nhập và là thành viên thứ 10.

Với sự tham gia của các thành viên mới, ASEAN thực sự đã trở thành một khu vực thị trường lớn với số dân đông đảo và là một khu vực có mức tăng trưởng kinh tế cao.

Các nước ASEAN (trừ Thái Lan) đều trải qua giai đoạn lịch sử là thuộc địa của các nước phương Tây và giành được độc lập vào các thời điểm khác nhau sau Chiến tranh thế giới thứ Hai. Mặc dù ở trong cùng một khu vực địa lý, song các nước ASEAN rất khác nhau về chủng tộc, ngôn ngữ, tôn giáo và văn hoá, tạo thành một sự đa dạng cho Hiệp hội.

ASEAN có diện tích hơn 4,5 triệu km² với dân số khoảng 575 triệu người; GDP khoảng 1281 tỷ đô la Mỹ và tổng kim ngạch xuất khẩu 750 tỷ đô la Mỹ. Tiền tệ: Peso (PHP) của Phi-lip-pin, Ringgit (MYR) của Ma-lai-xi-a, Kyat (MMK) của Mi-an-ma, Kíp (LAK) của Lào, Baht (THB) của Thái Lan, Riel (KHR) của Cam-pu-chia, Đô la Xin-ga-po (SGD), Đô la Bru-nây (BND), Rupiah (IDR) của In-đô-nê-xi-a, Đồng (VND) của Việt Nam⁽¹⁾. Các nước ASEAN có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và hiện nay đang đứng hàng đầu thế giới về cung cấp một số nguyên liệu cơ bản như: cao su (90% sản lượng cao su thế giới); thiếc và dầu thực vật (90%), gỗ xẻ (60%), gỗ súc (50%), cũng như gạo, đường dầu thô, dừa... Công nghiệp của các nước thành viên ASEAN cũng đang trên đà phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực: dệt, hàng điện tử, hàng dầu, các loại hàng tiêu dùng. Những sản phẩm này được xuất khẩu với khối lượng lớn

(1) Thông tin về các quốc gia Đông Nam Á tham khảo phần phụ lục.

và đang thâm nhập một cách nhanh chóng vào các thị trường thế giới. ASEAN là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao so với các khu vực khác trên thế giới, và được coi là tổ chức khu vực thành công nhất của các nước đang phát triển.

Mức độ phát triển kinh tế giữa các nước ASEAN không đồng đều. My-an-ma hiện là nước có thu nhập quốc dân tính theo đầu người thấp nhất trong ASEAN, chỉ vào khoảng hơn 200 đô la Mỹ một năm. In-đô-nê-xi-a là nước đứng đầu về diện tích và dân số trong ASEAN, nhưng thu nhập quốc dân tính theo đầu người chỉ vào khoảng trên 600 đô la Mỹ. Trong khi đó, Xin-ga-po và Bru-nây Đa-ru-xa-lam là hai quốc gia nhỏ nhất về diện tích (Xin-ga-po) và về dân số (Bru-nây Đa-ru-xa-lam) lại có thu nhập theo đầu người cao nhất trong ASEAN, vào khoảng trên 30.000 đô la Mỹ/năm.

Ở các nước ASEAN đang diễn ra quá trình chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hoá. Nhờ chính sách kinh tế “hướng ngoại”, nền ngoại thương ASEAN đã phát triển nhanh chóng, tăng gần năm lần trong 20 năm qua, đạt trên 160 tỷ đô la Mỹ vào đầu những năm 1990 (nay là 750 tỷ đô la Mỹ). ASEAN cũng là khu vực ngày càng thu hút nhiều vốn đầu tư của thế giới. Nếu năm 2005, tổng số vốn đầu tư mà ASEAN thu hút được tăng 16,9% so với năm 2004, thì năm 2006, tổng số vốn đầu tư đã tăng 27,5% so với năm 2005.

Cùng với sự phát triển cả về quy mô thành viên và chiều sâu hợp tác, cho tới nay, ASEAN thực sự là một liên kết khu vực tạo ra sức mạnh tăng lên của các nước Đông Nam Á. Về mặt chính trị, ngoại giao, vị thế của ASEAN đang trở nên ngày càng quan trọng trên trường quốc tế và khu vực, trở thành một đối trọng với các quốc gia lớn ở châu Á - Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ. Với các chương trình lớn về hợp tác kinh tế, tự do hóa thương mại hàng hoá, dịch vụ và đầu tư, khả năng bổ sung và thay thế các nguồn lực sản xuất giữa các nước trong khu vực được tăng lên sẽ dẫn tới hiệu quả cao trong sản xuất và tiêu dùng của thị trường từng nước thành viên, thúc đẩy thương mại và đầu tư nội bộ khu vực cũng như giữa khu vực với phần còn lại của nền kinh tế thế giới, thông qua đó để phát triển kinh tế các thành viên.

Các hoạt động hợp tác trong ASEAN mang tính toàn diện, sâu sắc trên mọi lĩnh vực chính trị, ngoại giao, an ninh, văn hóa - xã hội, khoa học -

kỹ thuật và phát triển kinh tế của 10 quốc gia thành viên, điều đó tạo ra đặc thù của liên kết khu vực này so với các tổ chức kinh tế thế giới được giới thiệu trong cuốn sách này (WTO, APEC, ASEM), cũng như so với nhiều liên kết quốc tế khác trên thế giới hiện nay. Tuy nhiên, cuốn sách này chỉ tập trung chủ yếu giới thiệu và cung cấp các thông tin về nội dung kinh tế - thương mại của hợp tác ASEAN với các chương trình hợp tác lớn, sẽ ảnh hưởng sâu sắc tới nền sản xuất - tiêu dùng và thị trường của Việt Nam hiện nay cũng như trong thời gian tới, đó là các chương trình về Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA), Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA), Chương trình Tự do hóa Thương mại Dịch vụ, Chương trình Hợp tác Hải quan ASEAN, Chương trình Hợp tác Công nghiệp ASEAN (AICO)...

1.1.2 Một số mốc phát triển quan trọng của ASEAN

Sau 40 năm, quá trình hợp tác kinh tế của ASEAN đã trải qua bốn mốc phát triển quan trọng.

Năm 1967 khẳng định sự ra đời và tồn tại của ASEAN như một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á⁽¹⁾.

Ý tưởng thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á đã được thai nghén từ năm 1947 qua sáng kiến của lãnh tụ Miến Điện (Mi-an-ma ngày nay) U Aung San về thành lập một liên bang gồm các nước Miến Điện, Thái Lan, Đông Dương, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin và Ma-lai-xi-a nhằm mục đích hợp tác kinh tế. Tiếp đó là một loạt sáng kiến khác như của In-đô-nê-xi-a năm 1954 về Khối đoàn kết liên Á (Pan-Asian Unity), của Phi-lip-pin về Liên minh Đông Nam Á (Southeast Asian Union) và của Thái Lan về Liên minh các nước theo Phật giáo gồm Thái Lan, Miến Điện và Cam-pu-chia. Năm 1961, một tổ chức mang tên Hội Đông Nam Á (Association of Southeast Asia) được thành lập bao gồm Thái Lan, Ma-lai-xi-a và Phi-lip-pin. Năm 1963, Hội Đông Nam Á tan rã và bị thay thế bởi tổ chức MAPHILIPINDO gồm Ma-lai-xi-a, Phi-lip-pin và In-đô-nê-xi-a song tổ chức này cũng chỉ tồn tại được vài tháng. Những nỗ lực nhằm

(1) Vũ Dương Ninh. ASEAN - Những cột mốc trong tiến trình phát triển (1967 - 2007). Bài viết trình bày tại Hội thảo quốc tế ASEAN "Bốn mươi năm nhìn lại và hướng tới" do trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 19 tháng 7 năm 2007, tr. 273.

thành lập một tổ chức khu vực ở Đông Nam Á cho đến thời điểm đó thất bại trong bối cảnh tình hình khu vực còn rất phức tạp.

Năm 1967 ASEAN ra đời và tồn tại được là một thành tựu hết sức lớn lao của các nỗ lực hợp tác giữa các Quốc gia Đông Nam Á. Tuyên bố Băng-cốc thành lập ASEAN năm 1967 đã nêu ra hai mục đích cơ bản của ASEAN là hợp tác và tương trợ lẫn nhau để: (1) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hóa ở khu vực; và (2) Thúc đẩy hòa bình và ổn định thông qua tôn trọng luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong khu vực và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc. Mặc dù Tuyên bố Băng-cốc nêu mục tiêu phát triển kinh tế của ASEAN lên hàng đầu song trong bối cảnh lúc đó mục tiêu chính trị của ASEAN vẫn là số một. Tuyên bố của ASEAN về một khu vực hòa bình, tự do và trung lập (ZOPFAN - Zone of Peace, Freedom And Neutrality) năm 1971 đã cho thấy những ưu tiên chính trị của khối này. Hợp tác kinh tế chỉ được đặt ra khi khu vực đó có hòa bình và ổn định tương đối và khi các nước ASEAN đã vững mạnh phần nào.

Năm 1976 là bước khởi đầu của hợp tác kinh tế khu vực

Năm 1976 đánh dấu bước chuyển lớn trong quan hệ hợp tác thực chất giữa các nước ASEAN khi cuộc chiến tranh ở Đông Dương chấm dứt, mở ra một triển vọng hòa bình cho khu vực. Tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ nhất tại Ba-li (In-đô-nê-xi-a) nguyên thủ các nước ASEAN đã ký Hiệp ước thân thiện và hợp tác ở Đông Nam Á (TAC - Treaty of Amity and Cooperation at ASEAN) khẳng định năm nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình và ra Tuyên bố về sự hòa hợp ASEAN cam kết cùng phối hợp để đảm bảo sự ổn định khu vực và tăng cường hợp tác kinh tế, văn hóa, giúp đỡ lẫn nhau giữa các thành viên ASEAN. Tại hội nghị này, các nước ASEAN cũng thành lập Ban Thư ký ASEAN để phối hợp hoạt động giữa các ủy ban và dự án hợp tác.

Trên cơ sở đó, hợp tác kinh tế của ASEAN bắt đầu được tiến hành. Năm 1977, ASEAN đã ký kết Thỏa thuận ưu đãi thương mại (PTA - Preferential Trading Arrangements). Tuy nhiên, thỏa thuận này chỉ có tác động hạn chế do mức ưu đãi thuế quan quá nhỏ và chỉ liên quan đến một số rất ít hàng hóa trong thương mại giữa các nước ASEAN. Vào thời điểm

đó, hầu hết các nước ASEAN vẫn chưa sẵn sàng mở cửa kinh tế và còn đang theo đuổi chiến lược phát triển thay thế nhập khẩu và chưa cảm thấy nhu cầu bức thiết phải tự do hóa thương mại vì sợ điều đó có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế đang còn khá cao.

Năm 1992, hợp tác kinh tế ASEAN được nâng lên tầm cao mới với việc thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA - ASEAN Free Trade Area).

Vào những năm 1990, Đông Nam Á đã thực sự có hòa bình và ổn định. Chiến tranh lạnh kết thúc cũng chấm dứt sự tranh giành ảnh hưởng giữa hai siêu cường là Liên Xô và Mỹ trong khu vực. ASEAN và các nước Đông Dương không còn đối đầu xung quanh vấn đề Cam-pu-chia khi cuộc xung đột ở đây đã được giải quyết. Tuy nhiên, các nước ASEAN lại phải đối mặt với cạnh tranh kinh tế ngày càng khốc liệt trên phạm vi toàn cầu. Trong bối cảnh vòng đàm phán thương mại đa phương của GATT vẫn còn bế tắc thì đã có nhiều khu vực tự do thương mại được thành lập như Khu vực thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Khu vực thương mại (mậu dịch) tự do châu Mỹ La tinh (MERCOSUR) và Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) ra đời là để bắt kịp xu thế đó.

Thỏa thuận về AFTA vượt xa thỏa thuận về PTA trước đó. Mục tiêu cơ bản của AFTA là tiến hành tự do hóa thương mại trong nội bộ ASEAN bằng cách loại bỏ tất cả các hàng rào thuế quan và phi thuế quan; thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường khu vực bằng cách tạo ra một thị trường thống nhất; thúc đẩy phân công lao động trong nội bộ khối ASEAN và phát huy lợi thế so sánh của từng nước.

Năm 1996 Việt Nam và tiếp theo là các nước thành viên mới khác của ASEAN là Lào, Mi-an-ma và Cam-pu-chia cũng lần lượt gia nhập AFTA, mở ra triển vọng đưa AFTA thành một khu vực tự do thương mại toàn Đông Nam Á như đúng với tên gọi của nó và một thời kỳ hòa nhập cùng phát triển.

Song song với quá trình mở rộng, ASEAN cũng tiến hành các chương trình hợp tác kinh tế sâu rộng khác. Năm 1995, ASEAN ký Hiệp định khung bổ sung về dịch vụ (AFAS - ASEAN Framework Agreement on Services) để loại bỏ đáng kể các hạn chế đối với thương mại dịch vụ giữa